

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 11 - 2023
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Minh Sơn
- Bà Mai Lương Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Ngọc Phú là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 636/2023/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm: 1973; Địa chỉ: đường THT, phường C, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm: 1978; Địa chỉ: đường THT, phường C, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ thì:

Bà và ông Nguyễn T kết hôn vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vinh H, huyện Phú V, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không tổ chức lễ cưới mà chỉ tổ chức ra mắt hai bên gia đình vì gia đình chồng khó khăn. Sau khi kết hôn vợ chồng về đi thuê nhà trọ sống tại Đ. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống. Bên cạnh đó ông T bên ngoài có người phụ nữ khác, mặc dù bà đã khuyên giải, tha thứ cho ông T nhiều lần nhưng ông T vẫn không thay đổi, hay đi về khuya nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn T.

Về con chung: bà và ông T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Theo lời khai trình bày của bị đơn ông Nguyễn T thì: Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Đ.

Về con chung: ông và bà Đ không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn T. Bị đơn ông T vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn T vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kim Đ và ông Nguyễn T kết hôn với nhau năm 2010, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bà Đ khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông T nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn ông T hiện cư trú tại đường THT, phường C, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/12/2010 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, lời khai trình bày thừa nhận của các đương sự đã đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Đ và ông T là hôn nhân hợp pháp. Qua xem xét thấy rằng, cuộc sống hôn nhân giữa bà Đ và ông T sau khi kết hôn hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống. Bên cạnh đó ông T bên ngoài có người phụ nữ khác, mặc dù bà đã khuyên giải, tha thứ cho ông T nhiều lần nhưng ông T không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chung sống không hạnh phúc. Hiện vợ chồng đã sống ly thân mạnh ai nấy sống không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Như vậy, thấy rằng hôn nhân giữa hai bên trên thực tế không còn tồn tại, hai bên không có sự yêu thương, chia sẻ lẫn nhau và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Đ có nguyện vọng được ly hôn thì ông T đồng ý và

không có ý kiến gì, do đó cần căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho bà Đài được ly hôn với ông T.

[3.2] Về con chung: Theo lời khai của bà Đ và ông T xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ, ông T xác định không có nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Đ về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: giải quyết cho bà Nguyễn Thị Kim Đ được ly hôn với ông Nguyễn T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012135 ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND xã Vinh Hà, huyện Phú Vang tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Sơn

Mai Lương Anh

Nguyễn Thị Loan

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND xã Vĩnh Hà, huyện Phú Vang
tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Thọ

Mai Lương Anh

Nguyễn Thị Loan

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND phường 12, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Thọ

Nguyễn Minh Sơn

Nguyễn Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Thọ Nguyễn Minh Sơn Nguyễn Thị Loan

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND Phường 9, tp.Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Lan

